

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Dự án thành phần 4: Đường điện 22kV, thuộc Phương án  
Bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư của toàn dự án  
(Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư),  
dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 137/TTr-STC ngày 28/3/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với các nội dung như sau:

- Tên công trình: Dự án thành phần 4: Đường điện 22kV, thuộc Phương án Bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư của toàn dự án (Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư), dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

- Địa điểm xây dựng: Huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ ngày 18/02/2020 đến ngày 19/01/2021.

- Cấp quyết định phê duyệt dự án: UBND tỉnh Bình Định.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

**1. Chi phí đầu tư:**

Đvt: đồng

| STT        | Nội dung                                              | Dự toán được duyệt    | Giá trị quyết toán    |
|------------|-------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|            | <b>Tổng số</b>                                        | <b>13.893.170.000</b> | <b>13.887.088.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Xây dựng</b>                                       | <b>12.391.164.000</b> | <b>12.391.164.000</b> |
| <b>II</b>  | <b>Quản lý dự án</b>                                  | <b>387.547.000</b>    | <b>381.515.000</b>    |
| <b>III</b> | <b>Tư vấn đầu tư xây dựng</b>                         | <b>936.771.000</b>    | <b>936.771.000</b>    |
| 1          | Lập dự án đầu tư                                      | 145.431.000           | 145.431.000           |
| 2          | Lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán                  | 271.674.000           | 271.674.000           |
| 3          | Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công-dự toán             | 66.538.000            | 66.538.000            |
| 4          | Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng | 25.262.000            | 25.262.000            |
| 5          | Giám sát thi công xây dựng                            | 427.866.000           | 427.866.000           |
| <b>IV</b>  | <b>Chi phí khác</b>                                   | <b>177.688.000</b>    | <b>177.638.000</b>    |
| 1          | Bảo hiểm công trình                                   | 44.084.000            | 44.084.000            |
| 2          | Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu xây dựng | 12.631.000            | 12.631.000            |
| 3          | Kiểm toán quyết toán                                  | 94.576.000            | 94.576.000            |
| 4          | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán                | 26.397.000            | 26.347.000            |

**2. Vốn đầu tư:**

Đvt: đồng

| Nội dung                   | Dự toán được duyệt    | Giá trị quyết toán    | Thực hiện             |                                                     |                                                   |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|                            |                       |                       | Số vốn đã giải ngân   | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán | Số vốn còn phải thu hồi so với giá trị quyết toán |
| 1                          | 2                     | 3                     | 4                     | 5=3-4                                               | 6=4-3                                             |
| <b>Tổng số</b>             | <b>13.893.170.000</b> | <b>13.887.088.000</b> | <b>13.866.773.000</b> | <b>26.347.000</b>                                   | <b>6.032.000</b>                                  |
| - Vốn trái phiếu Chính phủ |                       |                       | 13.296.899.000        |                                                     |                                                   |
| - Vốn ngân sách TW         |                       |                       | 379.971.000           |                                                     |                                                   |
| - Vốn ngân sách tỉnh       |                       |                       | 189.903.000           |                                                     |                                                   |
| Trong đó:                  |                       |                       |                       |                                                     |                                                   |
| + Xây dựng                 | 12.391.164.000        | 12.391.164.000        | 12.391.164.000        |                                                     |                                                   |
| + Quản lý dự án            | 387.547.000           | 381.515.000           | 387.547.000           |                                                     | 6.032.000                                         |
| + Tư vấn đầu tư xây dựng   | 936.771.000           | 936.771.000           | 936.771.000           |                                                     |                                                   |
| + Chi phí khác             | 177.688.000           | 177.638.000           | 151.291.000           | 26.347.000                                          |                                                   |

**3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:***Dvt: đồng*

| Nội dung                            | Thuộc chủ đầu tư quản lý |                 | Giao đơn vị khác quản lý |                       |
|-------------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------|
|                                     | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi       |
| <b>Tổng số</b>                      |                          |                 | <b>13.887.088.000</b>    | <b>13.887.088.000</b> |
| - Tài sản dài hạn (tài sản cố định) |                          |                 | 13.887.088.000           | 13.887.088.000        |

**4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:**

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

**5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không****Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

- Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là: 13.887.088.000 đồng.

*Dvt: đồng*

| Nội dung                   | Số tiền               | Ghi chú |
|----------------------------|-----------------------|---------|
| <b>Tổng số</b>             | <b>13.887.088.000</b> |         |
| 1. Đã bố trí               | 13.866.773.000        |         |
| - Vốn trái phiếu Chính phủ | 13.296.899.000        |         |
| - Vốn ngân sách Trung ương | 379.971.000           |         |
| - Vốn ngân sách tỉnh       | 189.903.000           |         |
| 2. Vốn còn phải thu hồi    | 6.032.000             |         |
| 3. Chưa bố trí             | 26.347.000            |         |

- Tổng các khoản công nợ tính đến nộp báo cáo quyết toán (20/12/2022) là:

+ Tổng nợ phải thu (Chi phí quản lý dự án): 6.032.000 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: Chi phí khác (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán): 26.347.000 đồng.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: đồng.*

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/cố định |
|------------------------------|-------------------------|
| UBND huyện An Lão            | 13.887.088.000          |

**Điều 4.** Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định..

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện An Lão và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**